

Bản án số: 43/2024/HS-ST
Ngày: 16/5/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Giang.

Thẩm phán: Ông Lê Quang Toại.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Trung.
- Ông Nguyễn Đức Nhơn.
- Ông Phạm Hoài Nam.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Thanh Kiệt – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:* Bà Trịnh Thùy Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi; Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 55/2024/TLST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 62/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Ngọc C, sinh ngày 25/5/1986 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần M và bà Lê Thị H; có vợ là Bùi Thị Bích L; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 05/8/2003 bị Tòa án nhân dân huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ theo Bản án số 03/HSST ngày 05/8/2003 về tội trộm cắp tài sản; đã chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/10/2023 đến ngày 20/3/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa theo luật định cho bị cáo:** Ông Nguyễn T – Luật sư Văn phòng Luật sư Phúc An K, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q; địa chỉ: Số D đường V, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

- Bị hại:

1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P.

Địa chỉ trụ sở: Số A đường H, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trà Văn C1 – Giám đốc. (Vắng mặt)

2. Ông Lương Tuấn C2, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Số F đường N, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trương Công N, sinh năm 1990. (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố L, thị trấn D, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1970. (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Ông Trần M, sinh năm 1959 và bà Lê Thị H, sinh năm 1961. (Ông M, bà H vắng mặt; bà H có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Bà Bùi Thị Bích L, sinh năm 1991. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2018 đến tháng 4/2018, vì cần tiền trả nợ, Trần Ngọc C đã 02 lần thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” trên địa bàn thành phố Q, cụ thể:

- Lần 1: Do có quen biết từ trước nên ngày 16/3/2018, Trần Ngọc C liên lạc với anh Trà Văn C1 (Sinh năm: 1984) là Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P, (Địa chỉ: Số A đường H, Phường T, thành phố Q) để hỏi thuê xe ô tô tự lái cho gia đình đi trong thời gian một tuần. Sáng ngày 17/3/2018, C đến Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P làm thủ tục thuê xe. Anh C1 làm hợp đồng cho C thuê xe ô tô hiệu Kia Forte, biển số 76A-018.47 với giá 500.000 đồng/01 ngày. Anh C1 giao xe ô tô và 01 giấy đăng ký xe, 01 giấy đăng kiểm, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc (Tất cả đều là bản sao được công chứng). Sau khi nhận xe và giấy tờ, Trần Ngọc C điều khiển xe ô tô trên đến nhà của anh Trương Công N (Sinh năm: 1990; trú tại: Tổ dân phố L, thị trấn D, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi) để cầm cố vay mượn số tiền 140.000.000 đồng. C đưa cho anh N các giấy tờ xe và nói đây là xe ô tô của vợ chồng C, do gia đình bên vợ cho và cần tiền để lo công việc gia đình. Anh N là họ hàng với C nên tin tưởng và đồng ý cho C mượn số tiền 140.000.000 đồng trong thời hạn một tháng. Đến ngày 20/3/2018, C tiếp tục hỏi mượn của anh N số

tiền 30.000.000 đồng và ngày 27/3/2018, C tiếp tục mượn thêm số tiền 10.000.000 đồng. Tài sản cầm cố vẫn là xe ô tô 76A-018.47. Sau khi hết thời hạn một tuần thuê xe, anh C1 liên lạc với C thì C nói là thuê luôn một tháng, C gửi trước cho anh C số tiền 8.000.000 đồng. Sau khi hết thời hạn một tháng, anh C1 liên lạc với C nhưng không được, anh C1 kiểm tra định vị thì phát hiện xe đang ở nhà của anh Trương Công N, tại thị trấn D, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Anh C1 đến nhà anh N để tìm xe thì biết được Trần Ngọc C mang xe ô tô của mình cầm cố cho anh N để mượn tiền. Anh C1 cùng anh N đi đến nhà của C tìm nhưng C bỏ trốn khỏi địa phương, anh C1 trình báo sự việc đến cơ quan Công an.

- Lần 2: Khoảng 07 giờ ngày 05/4/2018, bị can Trần Ngọc C đến nhà của anh Lương Tuấn C2 (Sinh năm: 1986; trú tại: Số F đường N, tổ dân phố L, Phường T, thành phố Q) là họ hàng bên vợ của Trần Ngọc C để hỏi thuê xe ô tô tự lái. Trần Ngọc C nói với anh Lương Tuấn C2 là thuê xe rồi cho người khác thuê lại, trong thời hạn một tháng. Anh Lương Tuấn C2 làm hợp đồng thuê xe với giá 12.000.000 đồng/l tháng. Trần Ngọc C đưa trước cho anh Lương Tuấn C2 8.000.000 đồng, số tiền 4.000.000 đồng còn lại, Trần Ngọc C hẹn ngày 20/4/2018 sẽ thanh toán hết, thời gian thuê xe từ 07 giờ 00 phút ngày 05/4/2018 đến 07 giờ ngày 04/5/2018. Sau khi làm hợp đồng thuê xe xong, anh Lương Tuấn C2 lấy xe ô tô 07 chỗ hiệu INNOVA, màu bạc, biển số 76A- 067.44 kèm theo 01 giấy chứng nhận đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận đăng kiểm xe, 01 bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc (Các giấy tờ trên đều là bản chính) giao cho Trần Ngọc C. Sau khi thuê xe ô tô trên, khoảng 08 giờ cùng ngày, Trần Ngọc C điều khiển xe đến tiệm C3 ở thôn A, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi do anh Nguyễn Thanh T1 (Sinh năm: 1970) làm chủ để cầm cố. Trần Ngọc C nói với anh T1 là cần số tiền 220.000.000 đồng để lo việc làm ăn. Trần Ngọc C giới thiệu quê cũng ở T, có cha tên M và mẹ tên H. Anh T1 nghe Trần Ngọc C giới thiệu, do có quen biết với cha mẹ của Trần Ngọc C nên tin tưởng. Trần Ngọc C đưa tất cả các giấy tờ liên quan đến xe ô tô 76A-067.44 cho anh T1 xem. Sau khi kiểm tra giấy tờ, anh T1 viết giấy biên lai cầm đồ và đưa số tiền 220.000.000 đồng cho Trần Ngọc C.

Trong thời gian cho Trần Ngọc C thuê xe, anh Lương Tuấn C2 mở định vị kiểm tra xe thì thấy xe ít đi, để một chỗ. Anh Lương Tuấn C2 điện thoại hỏi thì Trần Ngọc C nói là “cho công ty H1 thuê cho có chữ ít đi”. Đến gần hết thời hạn thuê xe, anh Lương Tuấn C2 kiểm tra định vị của xe thì vẫn thấy xe đứng một chỗ ở xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Anh Lương Tuấn C2 đi đến vị trí của xe thì phát hiện xe ô tô 76A-067.44 được Trần Ngọc C mang đi cầm cố cho tiệm cầm đồ Thuận Ý. Sau đó anh Lương Tuấn C2 trình báo sự việc cho cơ quan Công an.

Ngày 24/7/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Q kết luận:

- 01 (Một) xe ô tô hiệu Kia, loại Forte, biển số 76A-018.47, số chỗ ngồi: 05, số máy: G4FCDH309085, số khung: RNYTD41M6DC038856 (Đã qua sử dụng), trị giá 346.500.000 đồng.

- 01 (Một) xe ô tô hiệu TOYOTA, loại INNOVA, biển số 76A-067.44, số chỗ ngồi: 08, số máy: 1TR7018414, số khung: 43G1A9301565 (Đã qua sử dụng), trị giá 319.500.000 đồng.

Cáo trạng số: 25/CT-VKSQN-P1 ngày 28/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Trần Ngọc Cường về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc C từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận tiền bồi thường nên không yêu cầu bồi thường dân sự.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Công an thành phố Q đã trả lại cho các bị hại tài sản bị chiếm đoạt, nên đề nghị không xem xét xử lý.

Luận cứ của Luật sư Nguyễn T bào chữa cho bị cáo Trần Ngọc C:

Cáo trạng truy tố bị cáo Trần Ngọc C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã rất tích cực bồi thường thiệt hại; gia đình bị cáo có công với cách mạng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo với mức hình phạt 07 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa, những người vắng mặt gồm các ông, bà: T, Lương Tuấn C2, Trần M, Lê Thị H, Bùi Thị Bích L. Xét thấy, những người này đã có lời khai tại hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[1.2] Những tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[1.3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định.

[1.4] Trong quá trình điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng xác định người bị hại là ông Trà Văn C1. Theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện Hợp đồng cho thuê xe tự lái ngày 17/3/2018 ghi “*BÊN CHO THUÊ XE (BÊN A): CÔNG TY TNHH MTV P1 ĐẠT*” (Bút lục 87); đồng thời, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P được Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 29/7/2016 (Bút lục 96A). Như vậy, đây là trường hợp pháp nhân cho thuê xe, không phải là cá nhân ông Trà Văn C1 cho bị cáo Trần Ngọc C thuê xe, nên người bị thiệt hại trong vụ án này là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại tư cách bị hại là: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P; địa chỉ trụ sở: Số A đường H, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; người đại diện theo pháp luật: Ông Trà Văn C1 – Giám đốc.

[2] Hành vi của bị cáo:

Vì cần tiền trả nợ nên bị cáo Trần Ngọc C đã nảy sinh ý định thuê xe tự lái sau đó đem đi cầm cố lấy tiền trả nợ. Ngày 17/3/2018, bị cáo Trần Ngọc C đến Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên P, do ông Trà Văn C1 làm Giám đốc, để thuê 01 xe ô tô hiệu Kia, loại Forte, biển kiểm soát 76A-018.47; sau đó, bị cáo C đem chiếc xe cầm cố cho ông Trương Công N để vay số tiền 180.000.000 đồng. Cũng với thủ đoạn như trên, ngày 05/4/2018 bị cáo Trần Ngọc C thuê của ông Lương Tuấn C2 01 xe ô tô hiệu TOYOTA, loại INNOVA, biển kiểm soát 76A-067.44 và đem cầm cố cho ông Nguyễn Thanh T1 để vay số tiền 220.000.000 đồng. Sau khi vay được tiền, bị cáo Trần Ngọc C không chuộc lại xe để trả lại cho bên cho thuê, mà bỏ trốn, cắt đứt liên lạc với các bị hại. Chiếc xe ô tô hiệu Kia được định giá là 346.500.000 đồng và xe ô tô hiệu TOYOTA được định giá là 319.500.000 đồng; tổng giá trị tài sản mà bị cáo Trần Ngọc C đã chiếm đoạt là 666.000.000 đồng.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo Trần Ngọc C là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ việc dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng vì cần tiền để trả nợ, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của các bị hại; tổng giá trị tài sản mà bị cáo C đã chiếm đoạt là 666.000.000 đồng. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo Trần Ngọc C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Trần Ngọc C đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 được áp dụng cho bị cáo.

Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có 02 tình tiết quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[5] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của các bị hại, ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội tại địa phương nên cần áp dụng hình phạt tù tương xứng.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, các bị hại đã nhận lại tài sản, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận tiền bồi thường nên không yêu cầu bồi thường dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Xử lý vật chứng: Các bị hại đã nhận lại các tài sản bị chiếm đoạt tại giai đoạn điều tra và không có yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Đối với hành vi của Trương Công N và Nguyễn Thanh T1:

Khi nhận cầm cố xe ô tô, Trương Công N và Nguyễn Thanh T1 không biết tài sản trên do bị cáo Trần Ngọc C phạm tội mà có, nên Cơ quan điều tra không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự về tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 323 Bộ luật hình sự là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí: Bị cáo Trần Ngọc C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng: Điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc C 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 03/10/2023 đến ngày 20/3/2024.

2. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Ngọc C phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại; đại diện theo pháp luật của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- PC02 - Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Hình sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Thị Mỹ Giang